

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/ KDTM-ST

Ngày: 28/6/2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Tiến và ông Lê Như Nghi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/KDTM-ST ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXX-ST ngày 14/6/2022 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số A, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Phạm Hữu S- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: Số B Quốc lộ 1A, khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Quyết định uỷ quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019.

Ông S uỷ quyền lại cho ông Nguyễn A – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T (theo văn bản uỷ quyền ngày 16/3/2022). Có mặt.

2. Bị đơn: vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H– sinh năm 1978, anh Nguyễn Đỗ Thanh V- sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2022 và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn A trình bày:

Ngày 15/11/2019 vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Đỗ Thanh V có vay của Ngân hàng N – chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên số tiền 100.000.000đ, mục đích vay là chăn nuôi bò, theo hợp đồng tín dụng số: 4602-LAV -201903594/HĐTD ngày 15/11/2019, thời hạn vay 48 tháng, với lãi suất 12%/ năm; lãi suất quá hạn 18%/năm; Lãi chậm trả: 10%/ năm; ngày đến hạn trả nợ là ngày 15/11/2023; Định kỳ trả gốc: 01 lần; Định kỳ trả lãi: 6 tháng/lần vào ngày 10. Để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng chị H, anh V có cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản ký ngày 07/11/2019 đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất với diện tích 100m² có xác nhận của UBND xã An Thạch.

Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Đỗ Thanh V theo cam kết tại hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng đến kỳ hạn trả nợ vợ chồng chị H, anh V không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng tín dụng; Từ ngày vay đến khi khởi kiện, chị H, anh V chỉ trả tiền lãi đến ngày 19/12/2020 là 13.052.055đ; Ngân hàng đã thông báo nhiều lần nhưng vợ chồng chị H, anh V vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Vì lý do chị H, anh V vi phạm thời hạn trả nợ theo hợp đồng nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/6/2022, vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Đỗ Thanh V còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc và lãi là 117.720.548đ (trong đó số tiền vay gốc là 100.000.000đ, lãi trong hạn 11.853.881đ, lãi quá hạn 5.866.667đ). Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng chị H, anh V phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N- chi nhánh huyện T toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên.

- Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Đỗ Thanh V trình bày: Vợ chồng chị H, anh V thừa nhận vào ngày 15/11/2019 có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N- chi nhánh huyện T vay số tiền 100.000.000đ; với mục đích vay, thời hạn và lãi suất như Ngân hàng khởi kiện là đúng. Khi vay vợ chồng chị H, anh V có cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản ký ngày 07/11/2019 đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất với diện tích 100m² có xác nhận của UBND xã A.

Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn, chị H bị bệnh phải điều trị dài hạn tại Tp. Hồ Chí Minh nên đã không thanh toán cho Ngân hàng khoản vay trên đúng thời hạn. Nay Ngân hàng khởi kiện thì vợ chồng chị H, anh V đồng ý trả nợ nhưng hiện tại vợ chồng chị H, anh V không có khả năng trả 1 lần số tiền trên. Mong Tòa xem xét cho gia hạn thời gian trả nợ.

- Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng qui định pháp luật; nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N- chi nhánh huyện T toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh đến ngày 28/6/2022 là 117.720.548 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng N– chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên khởi kiện vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Đỗ Thanh V trú tại thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa một bên là pháp nhân với cá nhân, đều có mục đích lợi nhuận. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Bị đơn vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Đỗ Thanh V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Đỗ Thanh V.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy:

- Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm hợp đồng tín dụng số: 4602-LAV-201903594/HĐTD ngày 15/11/2019; Phụ lục Hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ; Cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản đều được lập thành văn bản, thể hiện chữ ký của người vay tiền chị H và người cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm anh V phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, sự thừa nhận của bị đơn. Đủ cơ sở xác định: giữa Ngân hàng N– chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên và vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Đỗ Thanh V có xác lập hợp đồng tín dụng. Theo đó, vợ chồng chị H, anh V có vay của Ngân hàng N– chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên và được Ngân hàng giải ngân với số tiền là 100.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng, với lãi suất 12%/năm; lãi suất quá hạn 18%/năm; Lãi chậm trả: 10%/năm; ngày đến hạn trả nợ là ngày 15/11/2023; Định kỳ trả gốc: 01 lần; Định kỳ trả lãi: 6 tháng/lần vào ngày 10;

Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng chị H, anh V đã trả 2 kỳ lãi đến ngày 19/12/2020 với số tiền 13.052.055đ, từ đó đến nay không tiếp tục trả lãi theo quy định của Hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo từng kỳ của bên vay theo Điều 5, 6 của Hợp đồng tín dụng (về thời hạn trả nợ, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn). Vợ chồng chị H, anh V có vay của Ngân hàng nhưng không trả nợ theo thời hạn là xâm phạm đến quyền lợi của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chấm dứt trước thời hạn hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Xét lời trình bày của bị đơn về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị đơn thời gian trả nợ vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn là không có căn cứ, nên HĐXX không chấp nhận lời trình bày của bị đơn, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của kiểm sát viên, buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Đỗ Thanh V phải trả cho Ngân hàng N– chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên số tiền 117.720.548đ, gồm nợ gốc là 100.000.000đ, nợ lãi trong hạn 11.853.881đ, lãi quá hạn 5.866.667đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Đỗ Thanh V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

[4]. Về án phí: Bị đơn vợ chồng chị H, anh V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Đỗ Thanh V phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N– chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên số tiền 117.720.548đ (*Một trăm mười bảy triệu bảy trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng*) (trong đó tiền gốc 100.000.000đ, tiền lãi trong hạn 11.853.881đ, tiền lãi quá hạn 5.866.667đ)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, vợ chồng chị H, anh V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà vợ chồng chị H, anh V phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Đỗ Thanh V phải chịu 5.886.027đ (*Năm triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng N– Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0003725 ngày 23/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền